

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 29/01/2026
“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thuý Liễu.

Ông Phạm Văn Thắng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8
- Hải Phòng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên
tòa:** Ông Nguyễn Tiến Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 29/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 581/2025/TLST-HNGĐ ngày 19/12/2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vũ Thị Vân A, sinh ngày 05/8/1992, số CCCD: 030192005xxx.

Hộ khẩu thường trú: số xxx, phố Q, phường H, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: Số nhà xxx, phố C, phường H, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Đức T, sinh ngày 14/01/1992, số CCCD: 030092004xxx.

Hộ khẩu thường trú: số xxx, phố Q, phường H, thành phố Hải Phòng; địa chỉ: số xxx, phố D, phường K, thành phố Hải Phòng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Vũ Thị Vân A trình bày:

Chị và anh Lê Đức T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 10/8/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm, không có tiếng nói chung. Mặc dù có vợ con nhưng anh T không quan tâm chăm sóc đến gia đình, thường xuyên đi về rất muộn, có lần đi qua đêm, vợ chồng sống chung nhà nhưng không hỏi han, chuyện trò. Năm 2023, chị làm đơn ly hôn anh T nhưng sau đó chị rút đơn để vợ chồng đoàn tụ, tạo điều kiện cho anh T thay đổi, quan tâm đến vợ con hơn, Tòa án nhân dân T phố Hải Dương đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện. Thời gian gần đây, do không thể chung sống cùng anh T được nữa, chị đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ tại số nhà xxx, phố C, phường H, thành phố Hải Phòng sinh sống. Đến nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không có cuộc sống chung, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thanh L, sinh ngày 03/7/2021, chị là người trực tiếp chăm sóc cháu L từ khi cháu còn nhỏ đến nay, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu L. Chị đang làm tại Công ty cổ phần đầu tư E Hải Dương với mức thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng và làm thêm tại Công ty cổ phần dược phẩm TT với mức thu nhập khoảng 4.000.000đ/tháng, chị xác định có đủ điều kiện về kinh tế để nuôi con. Hiện nay, chị đã đưa con về nhà mẹ đẻ là bà Lê Thị Kim B sinh sống nên có đủ điều kiện cơ sở vật chất để đảm bảo cho cháu có cuộc sống ổn định.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị với số tiền 5.000.000đ/tháng cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; nếu anh T không hợp tác trong việc giải quyết ly hôn thì chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị không đề nghị giải quyết.

Bị đơn anh Lê Đức T trình bày: Anh và chị Vân A được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 10/8/2018. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn từ những lý do nhỏ nhặt, nhiều lần chị Vân A giận dỗi bỏ về nhà mẹ đẻ, anh sang đón thì chị lại về cùng. Khoảng năm 2023, vợ chồng có bất đồng quan điểm, chị Vân A đưa con về nhà mẹ đẻ sống khoảng 2 tháng, sau khi anh sang đón thì chị Vân A mới đưa con về. Thời gian gần đây, chị Vân A cũng đưa con về nhà mẹ đẻ sống, thỉnh thoảng anh nhắn tin cho chị Vân A để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng chị Vân A không thay đổi quan điểm, vẫn cương quyết ly hôn. Anh nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, anh đồng ý ly hôn chị Vân A.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Lê Thanh L, sinh ngày 03/7/2021. Hiện nay, chị Vân A đưa cháu L về nhà mẹ đẻ chị Vân A sinh sống, mặc dù anh không trực tiếp nuôi con nhưng chị Vân A vẫn luôn tạo điều kiện để

anh đón con về nhà nội. Anh đề nghị được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu L và không yêu cầu chị Vân A cấp dưỡng nuôi con. Anh đang làm việc tại Công ty TNHH thương mại TH HD, mức thu nhập hơn 20.000.000đ/tháng; ngoài ra, anh còn kinh doanh con giống cùng gia đình nên tổng thu nhập của anh khoảng 70.000.000đ đến 80.000.000đ/tháng. Anh đang ở cùng mẹ đẻ tại địa chỉ số xxx, phố D, phường K, thành phố Hải Phòng; nhà đất vẫn đứng tên mẹ đẻ anh là bà Nguyễn Thị G nhưng mẹ anh luôn tạo điều kiện cho anh và cháu L về chỗ ở, về kinh tế để anh có điều kiện tốt nhất để nuôi dưỡng cháu L.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Lê Thị Kim B là mẹ đẻ chị Vân A cung cấp: Về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị Vân A và anh T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn, chị Vân A về sinh sống cùng gia đình anh T, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung. Chị Vân A thường kể với bà, mặc dù có vợ con nhưng anh T không quan tâm chăm sóc đến gia đình, thường xuyên đi về rất muộn, có lần đi qua đêm, vợ chồng sống chung nhà nhưng không hỏi han, chuyện trò. Quá trình sống chung cùng anh T, chị Vân A đã nhiều lần đưa con về nhà bà sinh sống, sau đó anh T sang xin lỗi, chị Vân A mới về nhà chồng. Năm 2023, chị Vân A đưa con về nhà ngoại 7 tháng, thời gian đó anh T không sang nhà ngoại gặp vợ con, đến khi Tòa án gọi anh T mới đến xin lỗi và đưa mẹ con chị Vân A về. Do con còn nhỏ nên chị Vân A đã tha thứ cho anh T, sau đó, anh T không thay đổi nên chị Vân A tiếp tục làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân khu vực 8 – Hải Phòng. Chị Vân A và anh T có 01 con chung là Lê Thanh L, sinh ngày 03/7/2021, chị Vân A là người trực tiếp chăm sóc cháu L từ khi cháu còn nhỏ, hiện nay mẹ con chị đang sống cùng gia đình bà. Bà đề nghị Tòa án giao cháu L cho chị Vân A tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng. Chị Vân A hiện đi làm, có thu nhập thường xuyên, nhà bà rộng, khang trang, bà cam đoan sẽ hỗ trợ chị Vân A trong việc chăm sóc, giáo dục cháu Thanh L trong thời gian chị Vân A sống cùng gia đình bà. Bà xác định chị Vân A có đủ điều kiện về kinh tế và chỗ ở để cháu L có sự phát triển toàn diện nhất.

Bà Nguyễn Thị G là mẹ đẻ anh Lê Đức T cung cấp: Về điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng như chị Vân A và anh T trình bày là đúng. Tình thoảng anh T về muộn, chị Vân A luôn nghi ngờ anh T đi chơi và không tin tưởng anh T về tình cảm. Từ khi về nhà bà, chị Vân A và anh T nhiều lần cãi vã, chị Vân A đã bỏ về nhà mẹ đẻ khoảng 10 lần, lần gần nhất vào khoảng tháng 12 năm 2025, từ thời điểm đó đến nay chị Vân A không về nhà. Bà đề nghị Tòa án hòa giải cho anh chị để vợ chồng đoàn tụ, cùng nuôi dạy con, tuy nhiên, nếu chị Vân A và anh T vẫn xin ly hôn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Vân A và anh T có 01 con chung là Lê Thanh L, sinh ngày 03/7/2021. Từ khi bỏ về nhà ngoại sống, chị Vân A đưa cháu L về sống cùng, hàng tuần chị

Vân A vẫn cho bà và anh T đón con về nhà bà nội chơi. Đợt Tết dương lịch vừa qua, chị Vân A cũng cho anh T đón con về chơi mấy ngày. Hiện nay, anh T ở cùng bà tại địa chỉ số xxx, phố D, phường K, thành phố Hải Phòng, nhà cửa rộng rãi, thoải mái chỗ ở cho cháu L. Hiện nay, bà vẫn khỏe mạnh, có thể đưa đón, chăm sóc cháu L cùng anh T nên bà đề nghị Tòa án giao cháu L cho anh T chăm sóc và nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa: Chị Vân A và anh T giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều được đảm bảo. Các đương sự chấp hành quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Tòa án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Vân A và anh Lê Đức T. Về con chung: Giao cho chị Vân A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Thanh L, sinh ngày 03/7/2021 kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung: không giải quyết. Về án phí: Chị Vân A phải chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, anh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Vũ Thị Vân A khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Lê Đức T, địa chỉ: số 130, phố D, phường K, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tổ tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa T niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 - Hải Phòng; đồng thời xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị Vân A và anh Lê Đức T tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố H, tỉnh Hải Dương (nay là UBND phường K, thành phố Hải Phòng) vào ngày 10/8/2018 nên là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, vợ chồng anh chị đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cãi vã, không có niềm tin với nhau. Tòa án tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho anh chị đoàn tụ nhưng chị Vân A vẫn kiên quyết xin ly hôn, anh T có quan điểm đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, không có cuộc sống chung, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình, cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vân A và anh T.

[2.2] Về quan hệ con chung:

Vợ chồng chị Vân A và anh T có một con chung là cháu Lê Thanh L, sinh ngày 03/7/2021. Chị Vân A và anh T cùng có quan điểm xin nuôi cháu L. Để giao con chung cho ai nuôi dưỡng, Hội đồng xét xử sẽ xem xét quyền lợi về mọi mặt của con. Hội đồng xét xử xét thấy: Chị Vân A đang làm tại Công ty cổ phần đầu tư E Hải Dương với mức thu nhập khoảng 8.000.000đ/tháng và làm thêm tại Công ty cổ phần dược phẩm TT với mức thu nhập khoảng 4.000.000đ/tháng, còn anh T làm việc tại Công ty TNHH thương mại TH HD, mức thu nhập hơn 20.000.000đ/tháng, ngoài ra, anh còn kinh doanh con giống cùng gia đình nên tổng thu nhập của anh khoảng 70.000.000đ đến 80.000.000đ/tháng (anh T tự khai về thu nhập tăng thêm). Về điều kiện chỗ ở: khi vợ chồng ly thân, chị Vân A về ở nhờ nhà mẹ đẻ là bà B tại số xxx, phố C, phường H, thành phố Hải Phòng; còn anh T đang sinh sống cùng mẹ đẻ tại số xxx, phố D, phường K, thành phố Hải Phòng. Như vậy, chị Vân A và anh T đều có công việc, thu nhập, chỗ ở ổn định nên cùng có điều kiện nuôi con. Tuy nhiên, cháu L còn nhỏ, cần có sự chăm sóc

của người mẹ, hiện nay chị Vân A vẫn đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu L; mặc dù đi làm nhưng chị Vân A luôn dành thời gian trong việc chăm sóc, giáo dục cháu (tại biên bản xác minh tại trường Mầm non Trần Phú xác định người thường xuyên đưa đón, liên lạc với nhà trường là chị Vân A); khi vợ chồng ly thân, chị Vân A không gây khó khăn cho anh T trong việc đưa đón, thăm nom con chung, để đảm bảo sự ổn định của cháu, cần giao cho chị Vân A nuôi dưỡng cháu L cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Vân A yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cùng chị với số tiền 5.000.000đ/tháng, anh T có quan điểm nếu Tòa án giao cháu L cho chị Vân A nuôi thì anh đồng ý cấp dưỡng nuôi con cùng chị Vân A số tiền 5.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành, đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, việc các đương sự thống nhất về mức cấp dưỡng nuôi con là phù hợp nên cần chấp nhận, anh Lê Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị Vũ Thị Vân A với số tiền 5.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp về tài sản sau khi ly hôn có quyền khởi kiện vụ án dân sự khác.

[3] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Trước khi mở phiên toà, chị Vân A và anh T tự nguyện ly hôn nhưng không thoả thuận được về con chung, Toà án phải xét xử và ra bản án thì các đương sự phải chịu 50% mức án phí quy định đối với yêu cầu xin ly hôn, mỗi bên phải chịu 75.000đ. Chị Vân A tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn chị Vân A phải chịu án phí ly hôn là 150.000đ. Anh T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 51, 55, 58, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án; Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thành lập Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực, quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Toà án nhân dân cấp tỉnh, Toà án nhân dân khu vực; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị Vân A và anh Lê Đức T.

2. Về con chung: Giao cho chị Vũ Thị Vân A chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Lê Thanh L, sinh ngày 03/7/2021 kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi.

Anh Lê Đức T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 5.000.000đ/tháng, kể từ tháng 01 năm 2026 cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền cấp dưỡng nuôi con, người phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành tại thời điểm thanh toán theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Chị Vũ Thị Vân A phải chịu 150.000đ án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/25E, số 0008385 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng, hoàn trả chị Vân A 150.000đ tạm ứng án phí. Anh Lê Đức T phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Vân A và anh Lê Đức T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 8 -Hải Phòng;
- UBND phường Tân Hưng, thành phố Hải Phòng (kết hôn năm 2018 tại UBND phường Hải Tân, thành phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hoài Thanh

